

MA TRẬN, CẤU TRÚC KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – MÔN HÓA 10

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn (I)			TNKQ đúng – sai (II)			TNKQ trả lời ngắn (III)			Tự luận (IV)						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	CẤU TẠO NGUYÊN TỬ	Các thành phần của nguyên tử	Câu 1												1			0,25
		Nguyên tố hoá học	Câu 2							Câu 1		Câu 1			2	1		1,75
		Cấu trúc lớp vỏ electron nguyên tử			Câu 3				Câu 2						1		1	0,75
2	BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HOÁ HỌC	Cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học		Câu 4					Câu 3				Câu 2		1	2		1,75
		Sự biến đổi tuần hoàn các đại lượng trong bảng tuần hoàn		Câu 5	Câu 6	Câu 1a, 1b		Câu 1c							2	1	2	1,25
		Ý nghĩa bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học					Câu 1d									1		0,25

3	LIÊN KẾT HÓA HỌC	Quy tắc Octet	Câu 7		Câu 8	Câu 2a, 2b					Câu 4				3		2	1,5
		Liên kết ion	Câu 9	Câu 10		Câu 2c									1	2		0,75
		Liên kết cộng hóa trị		Câu 11	Câu 12		Câu 2d							Câu 3	1		3	1,75
Tổng số câu			4	4	4	1	0,5	0,5	2	1	1	1	1	1	12	8	8	28
Tổng số điểm			1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0	4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

MA TRẬN, CẤU TRÚC KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – MÔN HÓA 11

T T	Chương / chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn (I)			TNKQ đúng – sai (II)			TNKQ trả lời ngắn (III)			Tự luận (IV)						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	V D	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
	Chủ đề 1	1. Khái niệm về cân bằng hoá học	C1			C1a,b,c	C1d								4	1	0	1,25
	Cân Bằng Hóa Học	2. Cân bằng trong dung dịch nước			C2					C1					0	1	1	0,75
	Chủ đề 2	3. Đơn chất nitrogen	C3												1	0	0	0,25
	NITRO GEN V À SULFU R	4. Ammonia và một số hợp chất ammonium	C4												1	0	0	0,25
		5. Một số hợp chất với oxygen của nitrogen		C5							C2				0	1	1	0,75
		6. Sulfur và sulfur dioxide	C6												1	0	0	0,25
		7. Sulfuric acid và muối sulfate		C7										C1	0	1	1	1,25
	Chủ đề 3: Đại cương	8. Hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ	C8							C3					2	0	0	0,75

	hóa học hữu cơ	9. Phương pháp tách và tinh chế hợp chất hữu cơ.	C9												1	0	0	0,25
		10. Công thức phân tử hợp chất hữu cơ	C10										C2		1	0	1	1,25
		11. Cấu tạo hóa học hợp chất hữu cơ	C11						C4						1	1	0	0,75
	Chủ đề 4: Hydroca rbon	12. Alkane		C12		C2 a,b	C2 c	C2 d					C3		2	3	1	2,25
Tổng số câu			8	3	1	5	2	1	1	2	1	0	1	2	14	8	5	
Tổng số điểm			2,25	0,5	0,25	1,25	0,5	0,25	0,5	1	0,5	0	1	2				10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

MA TRẬN, CẤU TRÚC KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 – MÔN HÓA 12

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ nhiều lựa chọn (I)			TNKQ đúng – sai (II)			TNKQ trả lời ngắn (III)			Tự luận (IV)							
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD		
1	Ester -lipid – xà phòng và chất giặt rửa	Ester	1		1				1						0,25	0,5	0,25	1,0	
		Lipid – xà phòng và chất giặt rửa		1						1	1				1,0	0,25	0,5	1,75	
2	Carbohydrate	Glucose – fructose – saccharoce – maltose – tinh bột -cellulose	1		1				1				1			0,75	1,0	0,25	2,0
3	Hợp chất chứa nitrogen	Amine	1											1	0,25	0,0	1,0	1,25	
		Amino acid - peptide		1					1						0,5	0,25	00	0,75	
		Protein - enzyme													00	00	00	00	
4	Polymer	Đại cương polymer		1											00	0,25	00	0,25	

		Chất dẻo và vật liệu composite			1		Câu 1c	Câu 1d										
		Tơ – cao su – keo dán tổng hợp		1		Câu 1a Câu 1b									0,5	0,5	0,5	1,5
5	Chương 5: Pin điện và điện phân	Thế điện cực và nguồn điện hóa học	1		1	Câu 2a Câu 2b	Câu 2c	Câu 2d							0,75	0,25	0,5	1,5
Tổng số câu			4	4	4	1	0,5	0,5	2	1	1	1	1	1				
Tổng số điểm			1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5	1,0	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0	4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100